

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG**

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số:20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 12 - 2020

V/v: “*Không công nhận vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Huyền, bà H’ Rin Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 128/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12/10/2020 về việc “*Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐHPT- HNGĐ ngày 30/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977 (có mặt)
2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1984 (Vắng mặt không có lý do)

Đồng trú tại: Thôn A, xã HT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2020, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trần Văn D đánh chị nhiều lần gây thương tích. Do vậy, chị đã dẫn hai người con về nhà cha mẹ đẻ của chị tại thị trấn KK, KB, Đắk Lắk để sinh sống từ cuối năm 2019 đến nay, giữa chị và anh D không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy không thể đoàn tụ để duy trì cuộc sống hôn nhân. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D, không công nhận chị và anh D là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/02/2008 và Trần Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/11/2012.

Khi ly hôn nguyện vọng chị là muốn được trực tiếp nuôi cả hai người con chung

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2020, anh Trần Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, chị T dẫn hai người con về nhà cha mẹ ruột của chị T ở thị trấn KK, KB, Đắk Lắk để sinh sống, giữa anh và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị T làm đơn ly hôn với anh. Anh đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh và chị T có hai người con chung là Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/02/2008 và Trần Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/11/2012.

Khi ly hôn, nguyện vọng của anh là tùy theo ý kiến của chị T, nếu chị T không nuôi con thì anh nuôi hết cả hai người con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung thì anh không yêu cầu chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/10/2020, cháu Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/02/2008, có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ cháu ly hôn

Tại bản tự khai ngày 30/10/2020, cháu Trần Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/11/2012 có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ cháu ly hôn

Tại phiên tòa hôn nay, chị Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn D là vợ chồng .

Về con chung: Chị và anh Trần Văn D có 02 người con chung là: Trần Nguyễn Thanh T, sinh năm 2008 và Trần Nguyễn Thành L, sinh năm: 2012

Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung là: Trần Nguyễn Thanh T, sinh năm 2008 và Trần Nguyễn Thành L, sinh năm: 2012

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu trách nhiệm nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị Kim T đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vì chị là cá nhân thuộc hộ nghèo của địa phương, điều kiện kinh tế gia đình chị rất khó khăn. Một mình nuôi hai con nhỏ không nhà cửa, không công ăn việc làm ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào Nghị án, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa: Mặc dù anh Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa nhưng đây là lần thứ hai anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Việc anh Trần Văn D không đến tham dự phiên tòa là tự từ bỏ quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án của mình. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T với anh Trần Văn D là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T về việc không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn D là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai người con chung là : Trần Nguyễn Thanh T, sinh năm 2008 và Trần Nguyễn Thành L, sinh năm: 2012, cả hai người con chung là T và L đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ không chung sống cùng nhau còn anh Trần Văn D thì tùy theo ý kiến của chị T, nếu chị T không nuôi con thì anh nuôi hết cả hai người con chung. Hiện nay hai người con chung là T và L đang sinh sống cùng chị T.

Xét điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự và để đảm bảo quyền lợi của những người con chưa thành niên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao hai người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng .

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị Kim T đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vì chị là cá nhân thuộc hộ nghèo của địa phương, điều kiện kinh tế gia đình chị rất khó khăn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Kim T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của các đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T, yêu cầu Tòa án giải quyết về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Trần Văn D là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Hai người đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn A, xã HT, KB, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn D chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2007 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*”.

Cuộc sống chung giữa anh D và chị T không hòa thuận nên chị T yêu cầu không công nhận chị và anh D là vợ chồng, anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng qui định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc không công nhận quan hệ giữa anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Kim T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn D có hai người con chung là Trần Nguyễn Thanh T, sinh năm 2008 và Trần Nguyễn Thành L, sinh năm 2012.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung khi vợ chồng không chung sống cùng nhau. Còn anh D có ý kiến về con chung tùy theo ý kiến của chị T. Còn các cháu Trần Nguyễn Thanh T và Trần Nguyễn Thành L thì có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ không chung sống cùng nhau. Thực tế thì các cháu đang ở với mẹ và đi học tại thị trấn KK, KB, Đăk Lăk .

Xét nguyện vọng của các đương sự và để đảm bảo quyền lợi của các con chung chưa thành niên, cần giao các con chung chưa thành niên là Trần Nguyễn Thanh T và Trần Nguyễn Thành L cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị Kim T là cá nhân thuộc hộ nghèo và đã có đơn xin miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Kim T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 4 Điều 147 Điều 203; Điều 220; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn D là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giao các con chung là Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/02/2008 và Trần Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/11/2012 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng .

Chị Nguyễn Thị Kim T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Trần Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Trần Thị Kim T .

Chị Trần Thị Kim T được quyền kháng cáo bản án trong hạn là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trần Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Chi cục THA DS
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trương Thị Huế